

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST.

Ngày: 20-4-2022

V/v Tranh chấp tiền phường

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH B GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đ Lâm
2. Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đ Nghiêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2021/TLST-DS ngày 08/11/2021 về tranh chấp tiền phường theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1966(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hoàng Giang, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1956(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hoàng Giang, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày: Năm 2018 bà và bà T có thỏa thuận chơi

phường với nhau theo thỏa thuận thì mỗi xuất phường chơi là 2000.000đồng và lãi xuất là 500.000đồng/xuất phường. Bà có chơi 5 xuất phường nên mỗi tháng bà phải đóng cho bà T 10.000.000đồng. Bà đã đóng cho bà T 19 tháng là 190.000.000đồng, bà T đã trả cho bà được 19.000.000đồng tiền lãi. Khi bà chơi phường thì ông T có xuống nhà bà nhận tiền nhiều lần và có ký vào sổ ghi chép của bà. Do bà T, ông T không thanh toán tiền phường cho bà đúng như thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu bà T, ông T phải thanh toán trả cho bà số tiền phường còn nợ là 190.000.000đồng, bà không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2018 bà B có sang nhà bà xin cho chơi phường là đúng. Hai bên có thỏa thuận với nhau mỗi xuất phường chơi là 2000.000đồng và lãi xuất của mỗi xuất phường là 500.000đồng. Quá trình chơi phường bà B có đóng cho bà mỗi tháng 10.000.000đồng cho 5 xuất phường. Bà B chơi phường đến tháng 10/2019 thì đóng được 19 tháng. Bà T có bảo cấp phường cho bà B nhưng do các con phường khác chưa đóng tiền phường cho bà nên bà không có tiền trả phường cho bà B. Bà đã đưa cho bà B được tổng cộng là 19.000.000đồng. Do tình hình dịch bệnh khó khăn nên bà không có tiền để trả cho bà B. Nay bà B khởi kiện thì bà đồng ý trả bà B số tiền phường gốc là 190.000.000đồng nhưng bà đề nghị bà B cho trả dần mỗi tháng 5 triệu đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày : Ông đồng ý với ý kiến của bà T trả cho bà B số tiền 190.000.000đồng như hai bên đã thỏa thuận và đề nghị bà B cho trả dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá Đ trình bày: Ông có biết việc chơi phường của bà B và bà T, ông T nhưng nay ông ủy quyền cho bà B giải quyết vấn đề này. Ông yêu cầu bà T, ông T trả số tiền 190.000.000đồng cho bà B. Ông Đ xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa bà Hồ Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc bà T, ông T phải trả ngay cho bà số tiền còn nợ là 190.000.000 đồng. Bà T, ông T đồng ý trả số tiền còn nợ phường là 190.000.000đồng và xin được trả dần nhưng bà B không đồng ý.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật,

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Điều 463; 466; 471 khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688; của Bộ luật Dân sự ;

Điều 17; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà Hồ Thị B số tiền còn nợ là 190.000.000đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 đồng.

Hoàn trả bà Hồ Thị B số tiền 5.400.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0007666 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do bà B đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ nhận do bà B giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền phường còn nợ là 190.000.000đồng là tranh chấp tiền phường quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông T là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của ông Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bà B, bà T, ông T đều thống nhất thỏa thuận số tiền phường bà T, ông T còn nợ bà B là 190.000.000đồng(một trăm chín mươi triệu đồng). Do bà T, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà B khởi kiện yêu

cầu bà T, ông T phải trả số tiền phưởng còn nợ là có căn cứ theo Điều 463; 471 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B,

[3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Tại phiên tòa bà B xác định số tiền phưởng còn nợ là tài sản chung của vợ chồng bà. Tuy nhiên, ông Đ đề nghị bà T, ông T trả cho bà B nên cần buộc bà T, ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho bà B số tiền còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà B được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là. Hoàn trả bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Điều 463; 466; 471 khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà Hồ Thị B số tiền còn nợ là 190.000.000đồng(một trăm chín mươi triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 9.500.000 đồng(chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả bà Hồ Thị B số tiền 5.400.000đồng(năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0007666 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. B Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đào Thị Oanh